

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-ST

Ngày 11/8/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng  
2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:  
ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên

Ngày 11/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 21/01/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-DS ngày 10/7/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-DS ngày 21/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: thônP, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Ban quản lý thônP, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Do bà Nguyễn Thị Q – Trưởng Ban quản lý thônP đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn L, sinh năm 1968

Nơi cư trú: thônP, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2017, bà nhận cung cấp vật liệu xây dựng cho Ban quản lý thônP để làm công trình đường bê tông từ Cổng Đình đi sân thể thao của thôn. Số lượng và vật liệu bà cung cấp gồm: Đá nghiền 2 x 4: 64,5 khối x 300.000đồng/khối = 19.350.000đồng; cát vàng 55 khối x 400.000đồng/khối = 22.000.000đồng; Xi măng Cẩm Phả: 19 tấn x 1.526.300đồng/tấn = 29.000.000đồng; Cát đổ nền: 10

khối x 100.000đồng/kg = 1.000.000đồng; Nylon lót nền: 2,5kg x 100.000đồng = 250.000đồng; Sỏi cuội: 13,5 khối x 326.000đồng = 4.400.000đồng; Xi măng địa phương: 2 tấn x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Tổng cộng là 78.000.000đồng. Ngày 14/10/2017, bà cùng ông Phu – Trưởng Ban quản lý thônP lập hợp đồng mua bán vật liệu với số lượng như trên, thỏa thuận bà có trách nhiệm đủ vật liệu đến nơi tập kết trong thời gian 05 ngày và được nghiệm thu. Ban quản lý thônP có trách nhiệm thanh toán cho bà chậm nhất là cuối tháng 7/2018. Thực hiện hợp đồng trên, bà và ông L (chồng của bà) đã cung cấp đầy đủ vật liệu cho Ban quản lý thônP nhưng Ban quản lý thônP mới thanh toán cho bà được 42.000.000đồng vào ngày 11/10/2018 và 10.000.000đồng ngày 28/7/2019. Còn lại 26.000.000đồng đến nay Ban quản lý thôn chưa thanh toán. Nay, bà khởi kiện Ban quản lý thônP yêu cầu trả số tiền còn nợ là 26.000.000đồng. Về tiền lãi, tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu Ban quản lý thônP phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền 26.000.000đồng từ ngày 29/7/2019 (ngày số nợ gốc chỉ còn 26.000.000đồng) đến ngày bà khởi kiện tại Tòa án (10/01/2020) tính theo mức lãi suất 0,65%/tháng.

- *Tại bản tự khai, đại diện của bị đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày:*

Khi bà đảm nhận vị trí Trưởng Ban quản lý thônP, đại diện Ban quản lý thôn cũ là ông Phu đã bàn giao cho bà số nợ 26.000.000đồng do Ban quản lý thôn mua vật liệu xây dựng của vợ chồng ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị H. Nay bà đại diện cho Ban quản lý thôn đồng ý trả vợ chồng bà H số tiền 26.000.000đồng. Còn về tiền lãi, bà không được Ban quản lý cũ bàn giao, bà cũng không biết hợp đồng giữa Ban quản lý cũ với vợ chồng bà H thế nào nên bà không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà Q vắng mặt.

- *Tại các bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn L (chồng bà H) cũng trình bày như bà H đã trình bày.*

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị, tranh luận của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

- Bà H khởi kiện Ban quản lý thônP, xã Q, huyện Tân Yên để đòi số tiền bán vật liệu xây dựng còn nợ. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

- Tại phiên tòa, bà Q, ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### [2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn:

Theo sự thừa nhận của hai bên đương sự, phù hợp với lời khai của ông Phu và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX xác định được: Năm 2017, bà H bán vật liệu xây dựng cho Ban quản lý thônP để làm đường bê tông từ Cổng Đình đi sân thể thao của thôn. Ngày 14/10/2017, bà H cùng ông Phu – Trưởng Ban quản lý thônP lập hợp đồng mua bán vật liệu, thỏa thuận mua bán gồm: Đá nghiền 2 x 4: 64,5 khối x 300.000đồng/khối = 19.350.000đồng; cát vàng 55 khối x 400.000đồng/khối = 22.000.000đồng; Xi măng Cẩm Phả: 19 tấn x 1.526.300đồng/tấn = 29.000.000đồng; Cát đổ nền: 10 khối x 100.000đồng/khối = 1.000.000đồng; Nylon lót nền: 2,5kg x 100.000đồng = 250.000đồng; Sỏi cuội: 13,5 khối x 326.000đồng = 4.400.000đồng; Xi măng địa phương: 2 tấn x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Tổng cộng là 78.000.000đồng. Bà H có trách nhiệm đủ vật liệu đến nơi tập kết trong thời gian 05 ngày và được nghiệm thu. Ban quản lý thônP có trách nhiệm thanh toán cho bà H chậm nhất là cuối tháng 7/2018. Thực hiện hợp đồng trên, bà H và ông L (chồng bà H) đã cung cấp đầy đủ vật liệu cho Ban quản lý thônP nhưng Ban quản lý thônP mới thanh toán cho bà được 42.000.000đồng vào ngày 11/10/2018 và 10.000.000đồng ngày 28/7/2019. Còn lại 26.000.000đồng đến nay Ban quản lý thôn chưa thanh toán. Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền trong mua bán tài sản như sau: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Nay đã quá hạn trả tiền mà Ban quản lý thônP chưa trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà H khởi kiện Ban quản lý thônP yêu cầu trả số tiền trên là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H.

[3] Về tiền lãi: Theo bà H trình bày hai bên thỏa thuận đến cuối tháng 7/2018 Ban quản lý thôn phải thanh toán hết nợ nhưng đến thời hạn này không trả nên bà yêu cầu tính lãi. Bà Q trình bày bà không được bàn giao số tiền lãi này nên bà không đồng ý trả lãi. Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định

về nghĩa vụ trả tiền trong mua bán tài sản quy định: “ Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 Bộ luật này.”. Trong trường hợp này, hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là đến cuối tháng 7/2018 Ban quản lý thôn phải trả tiền nhưng không trả được thì bà H yêu cầu tính lãi là đúng pháp luật. Nay bà H tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền 26.000.000đồng từ ngày 29/7/2019 (ngày số nợ gốc chỉ còn 26.000.000đồng) đến ngày bà khởi kiện tại Toà án (10/01/2020) tính theo mức lãi suất 0,65%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà H. Số tiền lãi Ban quản lý phải trả cho bà H tính từ ngày 29/7/2019 đến 10/01/2020 là:  $26.000.000\text{đồng} \times 0,65\%/tháng = 169.000\text{đồng/tháng} \times 05\text{ tháng} + 5.600\text{đồng/ngày} \times 11\text{ ngày} = 906.600\text{đồng}$ . Tổng cả gốc và lãi phải trả là 26.906.600đồng.

[4] Khoản nợ 26.906.600đồng phát sinh từ việc Ban quản lý thônP mua vật liệu xây dựng của vợ chồng bà H ông L. Cần buộc Ban quản lý thônP phải trả cho vợ chồng bà H, ông L số tiền này.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên Ban quản lý thônP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.345.330đồng. Trả lại bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430; Điều 431; Điều khoản 3 Điều 434; khoản 1, 3 Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với Ban quản lý thônP, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Buộc Ban quản lý thônP, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn L số tiền gốc là 26.000.000đồng, tiền lãi là 906.600 đồng. Tổng cộng là 26.906.600 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm linh sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ban quản lý thôn P, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang phải chịu 1.345.330 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006178 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thế Đăng**

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Về tiền lãi: Tuy trong 03 giấy biên nhận có giấy ghi mức lãi suất, có giấy không ghi nhưng hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận về tính lãi, theo bà H là 1,5%/tháng tức 500 đồng/triệu/ngày, theo bà Bắc là 2.500đồng/triệu/ngày nên yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ. Do số tiền 100.000.000 đồng bà Bắc trả vào ngày 23/10/2014 được tính vào trả gốc và không xác định được số tiền này trả cho lần vay nào nên bà H yêu cầu tính lãi 03 lần vay cả trong hạn và quá hạn đều theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm hiện nay là 9%/năm tức 0,75%/tháng từ khi vay đến khi xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 1, 5 Điều 474; Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể như sau:



- Lần vay 50.000.000đồng:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 = 375.000\text{đồng}/\text{tháng}$   
 $= 12.500/\text{ngày}$ . Lãi từ ngày 09/6/2012 đến 07/01/2016 là:  $375.000\text{đồng} \times 41$   
 $\text{tháng} + 12.500 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} = 15.725.000 \text{ đồng}$ .

- Lần vay 60.000.000đồng:  $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 =$   
 $450.000\text{đồng}/\text{tháng} = 15.000/\text{ngày}$ . Lãi từ ngày 24/9/2013 đến 07/01/2016 là:  
 $450.000\text{đồng} \times 27 \text{ tháng} + 15.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ ngày} = 12.405.000 \text{ đồng}$ .

- Lần vay 300.000.000đồng:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 =$   
 $2.250.000\text{đồng}/\text{tháng} = 75.000/\text{ngày}$ . Lãi từ ngày 03/7/2012 đến 07/01/2016 là:  
 $2.250.000\text{đồng} \times 40 \text{ tháng} + 75.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày} = 90.300.000 \text{ đồng}$ .